Machine Translated by Google

Bảng dữ liệu kỹ thuật

NUKOTE TẬP PRIME II

SỰ MIÊU TẢ:

Nukote EP Prime II là chất phủ bề mặt epoxy-polyamine hai thành phần, hàm lư ợng rắn cao, dạng lỏng, độ nhớt thấp với đặc tính thẩm thấu độc đáo. Nó giúp bịt kín các lỗ chân lông và mao mạch và giảm thiểu khí thoát ra ngoài.

ĐẶC TRƯ NG:

- Hàm lư ợng chất rắn cao với VOC thấp
- Mùi thấp
- Độ bám dính tuyệt vời
- Độ nhớt thấp
- Thời gian mở lâu.

CÁCH SỬ DỤNG ĐIỂN HÌNH:

- Bê tông
- Xây dựng
- Xi măng kết xuất

MÀU SẮC:

Xám: Phần A: Đen, Phần B: Trắng

ĐÓNG GÓI:

Bộ dụng cụ 2 gallon (7,6 lít): Một can 1 gallon (3,78 lít) chất lỏng màu đen Phần A và một can 1 gallon (3,78 lít) chất lỏng màu trắng Phần B.

Bộ dụng cụ 10 gallon (38 lít): Một thùng 5 gallon (19 lít) chất lỏng màu đen Phần A và một thùng 5 gallon (19 lít) chất lỏng màu trắng Phần B.

PHẠM VI BÁO HIỂM:

Định mức rải Nukote EP Prime II là 367 ft2 /gal ở độ dày 4 mils (9,15 m2/lít ở độ dày 100 micron) mà không tính đến bất kỳ độ hao hụt hoặc độ xốp nào của bê tông.

TRỘN:

Nukote EP Prime II không đư ợc pha loãng trong bất kỳ trư ờng hợp nào. Tham khảo bộ phận kỹ thuật của NCSI để ứng dụng trên bề mặt có độ xốp cao, nơ i có thể cần pha loãng.

Tỷ lệ pha trộn thể tích là 1 phần Chất lỏng đen Phần A với 1 phần Chất lỏng trắng Phần B. Nukote EP Prime II Phần A và Phần B phải đư ợc trộn kỹ riêng lẻ trư ớc khi kết hợp để đảm bảo vật liệu đồng nhất. Các thành phần kết hợp phải đư ợc trộn kỹ bằng máy trộn cơ học ở tốc độ chậm hoặc trong ít nhất 5 phút nếu trộn bằng tay.

HẠN CHẾ:

Không mở cho đến khi sẵn sàng sử dụng và bảo quản trong hộp kín sau khi mở. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Bề mặt phải khô, sạch và không có vật lạ. Không bền với tia cực tím. Nukote EP Prime II lý tư ởng nhất là nên đư ợc phủ lớp phủ trong vòng 10 giờ sau khi nó không còn dính. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Rất khó để vệ sinh sau khi nó đã đông cứng. Không trộn nhiều vật liệu hơ n mức có thể sử dụng trong vòng 20-30 phút.

4730 Consulate Plaza Drive Suite 100, Houston, Texas Hoa Kỳ 77032
1.832.770.7100 / www.nukoteglobal.com

Machine Translated by Google

NUKOTE TẬP PRIME II

DỮ LIỆU KỸ THUẬT (Tất cả các giá trị @ 77 °F / 25 °C)	CHÚNG TA	Hệ mét
Chất rắn theo thể tích (ASTM D2697)	91,5 +-2%	91,5 +-2%
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (ASTM D2369)	0,76 lb/gallon	91 gam/ lít
Phạm vi lý thuyết	367 ft2 /gal @ 4 mils	9,15m2 /lit@100micron
Trọng lượng riêng của vật liệu (ASTM D792)	A:11,18, B:16,44 lbs./gal	A:1,34, B:1,97kg/lít
Độ nhớt ở 77 °F /25 °C tính bằng cps ±10% (ASTM D4878)	30-60	30-60
Thời hạn sử dụng ở 77 °F /25 °C	12-15 tháng	12 - 15 tháng
TÍNH CHẤT XỬ LÝ (Trong điều kiện phòng thí nghiệm tiêu chuẩn)		
Tỷ lệ pha trộn V/V	1:1	
Cuộc sống trong nồi	30 phút	
Thời gian không dính (phụ thuộc vào DFT và nhiệt độ)	3 đến 5 giờ	
Thời gian sơn lại tối đa	10 đến 12 giờ	
Các đặc tính và giá trị phụ thuộc rất nhiều vào thiết bị, súng phun, nhiệt độ buồng trộn, áp suất và các thông số liên quan. Có thể có và dự kiến sẽ có sự thay đổi.		

CHUẨN BỊ BỀ MẶT:

Bê tông:

Bề mặt của sàn bê tông phải khô, nhẵn, kết cấu chắc chắn và không có vết lõm, vảy hoặc cặn lạ nào. Loại bỏ tất cả các hợp chất bảo dưỡng. Thổi mài mòn, thổi quét hoặc phun nước để loại bỏ tất cả vật liệu tiềm ẩn và làm lộ ra các lỗ rỗng. Tất cả các nền bê tông, trên hoặc dưới mặt đất phải được kiểm tra độ ẩm. Sàn hoặc tấm bê tông trên hoặc dưới mặt đất phải được lắp đặt rào cản độ ẩm để bảo vệ khỏi độ ẩm của mặt đất.

Việc chuẩn bị bề mặt bê tông phải đáp ứng và tuân thủ tiêu chuẩn Joint NACE 6/SSPC-SP 13 và đạt được bề mặt bê tông có độ nhám từ CSP 3 đến CSP 6 theo Hướng dẫn số 03732 của ICRI để có hiệu suất tối ưu.

KHO:

Mười hai đến mười lăm tháng trong thùng chưa mở, giao tại nhà máy. Bảo quản trên pallet và tránh xa nhiệt độ cao, đông lạnh và độ ẩm.

ỨNG DỤNG:

Có thể thi công Nukote EP Prime II bằng máy phun không khí, chổi quét hoặc rulo lõi nhựa Phenolic. Để Nukote EP Prime II không còn dính trước khi thi công lớp phủ. Nhiệt độ bề mặt khuyến nghị phải cao hơn 50 °F (10 °C) và cao hơn ít nhất 7 °F (3 °C) so với điểm sương. Nukote EP Prime II rất nhạy cảm với nhiệt độ và độ ẩm.

Nhiệt độ cao hơn và/hoặc độ ẩm cao sẽ làm tăng đáng kể thời gian đông cứng và thời gian sống của hỗn hợp. Hãy thận trọng khi sử dụng các kích thước mẻ và độ dày của lớp phủ. Nhiệt độ thấp và/hoặc độ ẩm thấp sẽ kéo dài thời gian đông cứng. Bề mặt có độ xốp cao sẽ cần nhiều hơn một lớp phủ và liên hệ với NCSI để biết thêm chi tiết về chất làm loãng và pha loãng

Machine Translated by Google

NUKOTE TẬP PRIME II

VỆ SINH THIẾT BỊ:

Sản phẩm đã xử lý có thể đư ợc xử lý mà không bị hạn chế. Các phần chư a xử lý phải đư ợc trộn lại với nhau và xử lý theo quy định của địa phư ơ ng. Các thùng chứa phải đư ợc xử lý theo luật và sắc lệnh về môi trư ờng của địa phư ơ ng.

Nukote EP Prime II khó vệ sinh sau khi đã đông cứng. Thiết bị phải đư ợc vệ sinh bằng dung môi an toàn với môi trư ờng, theo quy định của địa phư ơ ng, ngay sau khi sử dụng.

HẠN CHẾ:

Không mở cho đến khi sẵn sàng sử dụng và bảo quản trong hộp kín sau khi mở. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Bề mặt phải khô, sạch và không có vật lạ. Không bền với tia cực tím. Nukote EP Prime II lý tư ởng nhất là nên đư ợc phủ lớp phủ trong vòng 10 giờ sau khi nó không còn dính. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Rất khó để vệ sinh sau khi nó đã đông cứng. Không trộn nhiều vật liệu hơ n mức có thể sử dụng trong vòng 20-30 phút.

CẢNH BÁO:

Sản phẩm này có chứa epoxy và chất đóng rắn.

BẢO HÀNH VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM:

Nukote Coating Systems International, một công ty tại Nevada, Hoa Kỳ bảo đảm rằng hai thành phần của sản phẩm này sẽ tuân thủ các thông số kỹ thuật đư ợc công bố trong tài liệu sản phẩm. Chất lư ợng và tính phù hợp của sản phẩm phụ thuộc vào việc pha trộn và ứng dụng đúng các thành phần của ngư ời ứng dụng. Nukote Coating Systems không có vai trò nào trong việc ứng dụng polyme thành phẩm ngoài việc sản xuất và cung cấp hai thành phần của nó. Điều quan trọng là ngư ời ứng dụng sản phẩm này phải hiểu sản phẩm và đư ợc đào tạo và cấp chứng chỉ đầy đủ về việc sử dụng nhiều thiết bị thành phần và ứng dụng nhiều vật liệu thành phần. Không có bảo hành nào vư ợt quá mô tả trên mặt của thiết bị này, ngoại trừ khi đư ợc cung cấp dư ới dạng văn bản, trực tiếp bởi Nukote Coating Systems International và đư ợc thực hiện dư ới sự chứng thực của một viên chức công ty.